

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101b/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Trãi)

Tên chương trình:	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUỐC TẾ HỌC
Tên tiếng Anh:	INTERNATIONAL STUDIES
Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo:	QUỐC TẾ HỌC
Chuyên ngành:	ANH HỌC, HÀN HỌC, TRUNG QUỐC HỌC
Mã ngành đào tạo:	7310601
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUY

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quốc tế học có lập trường chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần dân tộc cao, có ý thức phục vụ nhân dân, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm đương các công việc đối ngoại và hợp tác quốc tế phù hợp tại các Bộ, Ban, Ngành Trung ương, địa phương, các tổ chức tư vấn quốc tế, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp; nghiên cứu, giảng dạy về quốc tế học tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương và chuyên sâu về ngành Quốc tế học, cung cấp cho sinh viên bức tranh tổng quát về trật tự thế giới, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế và các vấn đề về phát triển quốc tế trên nền tảng các kiến thức cơ sở về Việt Nam. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị kiến thức về ngoại ngữ (2 ngoại ngữ) như là phương tiện và công cụ để hỗ trợ cho người học trong công việc chuyên môn sau này, cụ thể như: giao tiếp, nghiên cứu, biên dịch, phiên dịch....

2.1.2 Về kỹ năng

- Có kỹ năng giao tiếp với người nước ngoài, kỹ năng thu thập và nghiên cứu xử lý thông tin, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch về các công tác (nhiệm vụ) cụ thể liên quan, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng tham mưu đề xuất chủ trương – giải pháp thúc

đẩy quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tượng liên quan; có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình; có kỹ năng đánh giá hiệu quả các hoạt động.

2.1.3 Về thái độ

- Cử nhân ngành quốc tế học cũng sẽ được rèn luyện về tác phong làm việc, thái độ đúng đắn đối với ngành học cũng như việc rèn luyện những kỹ năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn trong tương lai cũng như có thái độ đúng đắn về quốc tế học và nguyên tắc hành nghề quốc tế học.

1.2.4 Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở các vị trí sau đây:

- Nghiên cứu và giảng dạy về các vấn đề quốc tế tại các trường đại học, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu;

- Làm công tác đối ngoại tại các cơ quan ngoại giao ở trung ương và địa phương, các vụ hợp tác quốc tế thuộc các bộ, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan an ninh, quốc phòng, các cơ quan truyền thông, báo chí;

- Làm việc trong các cơ quan đại diện của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài, các các loại hình doanh nghiệp khác nhau, đặc biệt là các doanh nghiệp liên doanh.

1.2.5 Trình độ ngoại ngữ

- Yêu cầu trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên tốt nghiệp:

a) Sinh viên theo Ngành Quốc tế học, Chuyên ngành Hàn học phải đạt trình độ kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng tương đương Topik cấp 4 theo khung đánh giá năng lực của chính phủ Hàn Quốc.

b) Sinh viên theo ngành Anh học có trình độ kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng Anh tương đương trình độ B2 theo khung tiêu chuẩn Châu Âu hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (5.5 IELTS).

b) Ngoại ngữ 2 (Tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung): Đạt trình độ A1 theo khung đánh giá năng lực chuẩn Châu Âu (đối với tiếng Anh), trình độ N5 theo khung đánh giá năng lực của chính phủ Nhật Bản (đối với tiếng Nhật), trình độ HSK 1 theo tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế (đối với tiếng Trung Quốc).

1.2.6 Trình độ tin học

Sử dụng thành thạo máy tính cho công tác văn phòng thông qua các phần mềm (phần mềm Microsoft Word, Excel, PowerPoint), khai thác thông tin qua mạng phục vụ hiệu quả cho công tác quan hệ quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quốc tế học

2.1. Kiến thức

- Kiến thức đại cương: Hiểu biết những kiến thức liên ngành về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ

- Kiến thức cơ sở ngành: Nắm vững kiến thức cơ sở đối với chuyên ngành Quốc tế học

- Nắm vững nền tảng kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, có kiến thức về lịch sử thế giới, luật pháp quốc tế, hệ thống chính trị so sánh..., những nét lớn trong bức tranh tổng quát về quan hệ quốc tế và vị trí, chính sách của Việt Nam.

- Kiến thức chuyên ngành chung: Nắm vững kiến thức chuyên ngành cơ bản cần thiết, tạo tiền đề để tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành sâu. Các kiến thức chuyên ngành chung gồm kiến thức nền tảng về thế giới quan, góc nhìn đối với các vấn đề quốc tế, nắm vững kiến thức về chính sách đối ngoại và chính sách công của Việt Nam.

- Kiến thức chuyên ngành sâu: Hiểu biết những kiến thức trong các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế và khu vực gồm lý thuyết về chính trị và quan hệ quốc tế, khu vực học, biết phân tích chính sách đối ngoại của một quốc gia, hiểu về quá trình vận hành và phát triển của trật tự thế giới cũng như chiến lược của các nước lớn trong lịch sử và hiện tại cũng như có kiến thức nâng cao về chiến lược đối ngoại của Việt Nam.

- Có kiến thức nâng cao về các vấn đề kinh tế quốc tế, sự vận hành của nền kinh tế của các quốc gia như Hàn Quốc, Anh Quốc.

- Biết cách triển khai và tiến hành các bước cụ thể của một dự án nghiên cứu trong chuyên ngành quốc tế học.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng nghề

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế và toàn cầu bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu Quốc tế học và đề ra các giải pháp cho các vấn đề quốc tế.

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo.

- Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Sử dụng tri thức các chuyên ngành Quốc tế học cơ bản tìm hiểu bản chất các vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế và toàn cầu; tìm kiếm và cập nhật kiến thức về quan hệ quốc tế, các vấn đề về nghiệp vụ đối ngoại; nghiên cứu về tổ chức quản lý công tác đối ngoại; ứng dụng các kết quả nghiên cứu và thực tiễn vào việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu quan hệ quốc tế.

- Có khả năng tư duy theo hệ thống về các vấn đề; Biết phát hiện vấn đề và mối quan hệ giữa các vấn đề; Biết xác định vấn đề ưu tiên trong công tác; Biết phân tích, lựa chọn vấn đề và tìm ra phương án giải quyết cân bằng giữa các vấn đề; Xây dựng các giải pháp, khuyến nghị để giải quyết các vấn đề.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc nhóm: Biết và chủ động tham gia các nhóm trong các hoạt động như học tập, nghiên cứu, hoạt động đoàn thể, xã hội, chính trị; Có khả năng thành lập các nhóm

ng3333hiên cứu, giảng dạy, hoạt động xã hội; Biết cách chia sẻ và phát huy vai trò của nhóm trong các hoạt động của cộng đồng.

- Kỹ năng giảng dạy và thuyết trình các vấn đề khoa học

- Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ: Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý các tình huống chuyên môn; có thể viết được báo cáo, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Anh/Hàn.

- Kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại; kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng tự xây dựng các giải pháp và khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Có khả năng suy luận và giải thích hợp lý các vấn đề nghiên cứu từ góc độ Quốc tế học và các khoa học liên ngành.

- Có khả năng tự chủ, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp, đương đầu với rủi ro và tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro đã gây ra liên quan đến các vấn đề quan hệ quốc tế.

- Sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của Quốc tế học để nâng cao giá trị của cuộc sống.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ (TC), không bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	62
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Khoa học xã hội	6
1.3	Ngoại ngữ 1	36
1.4	Ngoại ngữ 2	9
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	52
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	20
2.2	Kiến thức chuyên ngành	32
3	Các môn học kỹ năng	4
4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	14
Tổng số:		132

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đủ điểm xét tuyển học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT Quốc gia theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Trãi đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hàng năm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp áp dụng Được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 và các quy định hiện hành của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

6. Cách thức đánh giá

- Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để giảng viên cho điểm thành phần của mỗi học phần.

- Riêng thực tập và khóa luận tốt nghiệp phải đạt từ điểm C trở lên mới coi là đạt.

Kết quả	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A	4
	Từ 7,0 đến 8,4	B	3
	Từ 5,5 đến 6,9	C	2
	Từ 4,0 đến 5,4	D	1
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

7. Nội dung chương trình

7.1 Nội dung chương trình phân theo khối kiến thức

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1.		Kiến thức giáo dục đại cương	62	930	0	1860	62
1.1		Lý luận chính trị	11	165	0	330	11
1	POT 01	Triết học Mác-Lênin	3	45		90	3
2	POT 02	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	30		60	2
3	POT 03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		60	2
4	POT 04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		60	2
5	POT 05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		60	2
1.2		Khoa học – Xã hội và Nhân văn	6	90	0	180	6
6	CULVN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		60	2

7	LAW101	Pháp luật đại cương	2	30		60	2
8	SOC	Xã hội học đại cương	2	30		60	2
1.3		<i>Ngoại ngữ 1</i>	36	540	0	1080	36
9	FL01-101	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1	3	45		90	3
10	FL01-102	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2	3	45		90	3
11	FL01-103	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3	3	45		90	3
12	FL01-201	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1	3	45		90	3
13	FL01-202	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2	3	45		90	3
14	FL01-203	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3	3	45		90	3
15	FL01-301	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.1	3	45		90	3
16	FL01-302	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.2	3	45		90	3
17	FL01-303	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.3	3	45		90	3
18	FL01-401	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.1	3	45		90	3
19	FL01-402	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.2	3	45		90	3
20	FL01-403	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.3	3	45		90	3
1.4		<i>Ngoại ngữ 2</i>	9	135	0	270	9
21	FL02-101	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1	3	45		90	3
22	FL02-102	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2	3	45		90	3
23	FL02-103	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3	3	45		90	3
1.5		<i>Giáo dục QP-AN và Giáo dục thể chất</i>	11	122	88	420	11
24	PHY1	Giáo dục thể chất	3	45		90	3
25	MIL	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	77	88	135	8
2		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	52	780	0	1560	52
2.1		<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>	20	300	0	600	20
26	REM	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		60	2
27	IR/VN	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2	30		60	2
28	ECO/VN	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	2	30		60	2
29	LAW 102	Công pháp quốc tế	3	45		90	3
30	ORG	Nhập môn Khu vực học	2	30		60	2
31	HIS/CUL	Lịch sử văn minh thế giới	3	45		90	3
32	IR 101	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	45		90	3
33	IR/ECO	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45		90	3
2.2		<i>Kiến thức theo hướng chuyên ngành (chọn một trong 3 chuyên ngành sau)</i>	32	480	0	960	32
		Chuyên ngành Hàn học					
34	HIS/KOR	Lịch sử Hàn Quốc	3	45		90	3
35	CUL/KOR	Văn hóa Hàn Quốc	3	45		90	3

36	ECO/KOR101	Kinh tế Hàn Quốc	2	30		60	2
37	IR/KOR	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc	3	45		90	3
38	ECO/KOR102	Chính sách thương mại Hàn Quốc	3	45		90	3
39	IR/ECO/KOR	Quan hệ kinh tế Hàn - Việt	3	45		90	3
40	CORCUL/KOR	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	2	30		60	2
41	TOUR/KOR	Tiếng Hàn du lịch	3	45		90	3
42	TT/KOR	Lý thuyết dịch tiếng Hàn	2	30		60	2
43	PT/KOR	Thực hành dịch nói tiếng Hàn	3	45		90	3
44	PI/KOR	Thực hành dịch viết tiếng Hàn	3	45		90	3
45	CM/KOR	Thư tín thương mại tiếng Hàn	2	30		60	2
		Chuyên ngành Anh học	32	480	0	960	32
	HIS/ENG	Lịch sử Anh Quốc	3	45		90	3
	CUL/ENG	Văn hóa Anh Quốc	3	45		90	3
	ECO/ENG101	Kinh tế Anh Quốc	2	30		60	2
	IR/ENG	Chính sách đối ngoại Anh Quốc	3	45		90	3
	ECO/ENG102	Chính sách thương mại Anh Quốc	3	45		90	3
	IR/ECO/ENG	Quan hệ kinh tế Anh - Việt	3	45		90	3
	CORCUL/ENG	Văn hóa doanh nghiệp Anh Quốc	2	30		60	2
	TOUR/ ENG	Tiếng Anh du lịch	3	45		90	3
	TT/ ENG	Lý thuyết dịch nói tiếng Anh	2	30		60	2
	PT/ ENG	Thực hành dịch nói tiếng Anh	3	45		90	3
	PI/ ENG	Thực hành dịch viết tiếng Anh	3	45		90	3
	CM/ENG	Thư tín thương mại tiếng Anh	2	30		60	2
3		Các môn học Kỹ năng	4	60	0	120	4
46	SPED 101	Kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế	2	30		60	2
47	SPED 102	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại	2	30		60	2
4		Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp	14	0	210	420	14
48	PRC	Thực tập tốt nghiệp	4		60	120	4
49	GRT	Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp	10		150	300	10
		Tổng cộng	132	1770	210	3960	132

7.2 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 1	17
1	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1	3
2	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2	3
3	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3	3
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
5	Pháp luật đại cương	2
6	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	2
7	Xã hội học đại cương	2
8	Giáo dục QP-AN	8

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 3	24
1	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.1	3
2	Ngôn ngữ 1 - Trung cấp 1.2	3
3	Ngôn ngữ 1 - Trung cấp 1.3	3
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
5	Giáo dục thể chất *	3
6	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
7	Lịch sử văn minh thế giới	3
8	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2
9	Nhập môn khu vực học	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 5	24
1	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1	3
2	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2	3
3	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3	3
4	Tiếng Hàn/Anh du lịch	3
5	Thư tín thương mại tiếng Hàn/Anh	2
6	Văn hóa doanh nghiệp Hàn/Anh Quốc	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 2	24
1	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1	3
2	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2	3
3	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3	3
4	Kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế	2
5	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại	2
6	Triết học Mác-Lênin	3
7	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
10	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 4	23
1	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.1	3
2	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.2	3
3	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.3	3
4	Công pháp Quốc tế	3
5	Lịch sử quan hệ quốc tế	3
6	Lý thuyết dịch tiếng Hàn/Anh	2
7	Thực hành dịch nói tiếng Hàn/Anh	3
8	Thực hành dịch viết tiếng Hàn/ Anh	3

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 6	18
1	Lịch sử Hàn/Anh Quốc	3
2	Văn hóa Hàn/Anh Quốc	3
3	Kinh tế Hàn/Anh Quốc	2
4	Chính sách đối ngoại Hàn/Anh Quốc	3
5	Chính sách thương mại Hàn/Anh Quốc	3
6	Quan hệ kinh tế Hàn/Anh - Việt	3

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 7	14
1	Thực tập tốt nghiệp	6
2	Khóa luận tốt nghiệp	8

7.3. Mô tả nội dung các học phần

A. Nội dung các học phần bắt buộc

7.3.1 Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lê nin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

7.3.2 Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

7.3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

7.3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

7.3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp

và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

7.3.6. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

- Nội dung: Giới thiệu một số nội cơ bản về pháp luật đại cương; tập trung nghiên cứu các loại hình tổ chức doanh nghiệp; pháp luật về thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh, thủ tục giải thể, thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi doanh nghiệp; chế độ pháp lý về quản trị, điều hành doanh nghiệp; chế độ pháp lý về vốn, tài sản của doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, chủ sở hữu doanh nghiệp trong quá trình thành lập, hoạt động và giải thể doanh nghiệp; một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp.

7.3.7. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.8. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.9. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.10. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1 (3 tín chỉ)

7.3.11. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2 (3 tín chỉ)

7.3.12. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3 (3 tín chỉ)

Kết thúc chương trình, sinh viên bước đầu làm quen với các kỹ năng đọc, viết về Ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Hàn, Nhật) ở mức độ cơ bản nhất, Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết và những câu giao tiếp đơn giản. Sinh viên nắm được một lượng từ vựng, câu đơn giản; đọc thành thạo các từ ngữ, câu có phiên âm đi kèm; có khả năng nhận biết và viết chữ (Hàn Quốc, tiếng Nhật) đúng quy tắc. Sinh viên có thể đạt trình độ chuẩn quốc tế trình độ sơ cấp (Topik 2 tiếng Hàn, A2 tiếng Anh).

7.3.13. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.14. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.15. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.16. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 2.1 (3 tín chỉ)

7.3.17. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 2.2 (3 tín chỉ)

7.3.18. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 2.3 (3 tín chỉ)

Nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng làm cơ sở cho sinh viên có thể sử dụng các sách chuyên ngành bằng (tiếng Anh, tiếng Hàn).

Học phần được thiết kế theo các chủ đề về tìm hiểu quan hệ song phương, quan hệ chính trị ngoại giao và đi sâu tìm hiểu văn hóa xã hội (nước Anh đối với sinh viên ngành Anh học, nước Hàn đối với sinh viên ngành Hàn học). Những kiến thức này sẽ là sự bổ trợ quan trọng cho đối với các môn học trong năm thứ 3 khi đi sâu vào nghiên cứu theo các hướng chuyên ngành Hàn học, Anh học.

7.3.19. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.20. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.21. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

Kết thúc chương trình, sinh viên bước đầu làm quen với các kỹ năng đọc, viết về Ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Hàn, Nhật) ở mức độ cơ bản nhất, Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết và những câu giao tiếp đơn giản. Sinh viên nắm được một lượng từ vựng, câu đơn giản; đọc thành thạo các từ ngữ, câu có phiên âm đi kèm; có khả năng nhận biết và viết chữ (tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Nhật) đúng quy tắc. Sinh viên có thể đạt trình độ chuẩn quốc tế trình độ sơ cấp (Topik 2 tiếng Hàn, A2 tiếng Anh hoặc N4 tiếng Nhật).

7.3.22. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

Học phần bao gồm 3 phần: Thực hành thể dục phát triển chung; bóng chuyền, bóng rổ. Thực hành thể dục phát triển chung tập bài thể dục 56 động tác. Bóng chuyền: tập luyện những kỹ thuật cơ bản chiến thuật, luật bóng chuyền. Bóng rổ: tập luyện những kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật bóng rổ; luyện tập cầu lông.

7.3.23. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức về Đường lối quân sự của Đảng, Công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện các kỹ năng Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Ghi chú:

- *Ngoại ngữ 1: Tổng 27 tín chỉ, Ngoại ngữ 2: Tổng 9 tín chỉ.*

- *Sinh viên có thể chọn tiếng Anh, tiếng Hàn hoặc tiếng Nhật là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 để học.*

- *Đề cương chi tiết các học phần ngoại ngữ do các Bộ môn ngoại ngữ, Khoa Quốc tế thực hiện theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngoại ngữ của Trường Đại học Nguyễn Trãi.*

- Đề cương chi tiết học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc ĐH Quốc gia chịu trách nhiệm.

7.3.24. Cơ sở Văn Hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về văn hóa học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các công cụ định vị văn hóa, .v.v. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức cơ bản của Văn hóa học để khắc họa diện mạo của Văn hóa Việt Nam với những nét bản sắc, hiểu được tiến trình hình thành và phát triển của Văn hóa Việt Nam và sự đổi mới của VHVN trong bối cảnh toàn cầu hóa.

7.3.25. Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Các mối quan hệ xã hội thể hiện ở các cấp độ xã hội khác nhau và phản ánh những đặc trưng xã hội về các mặt hoạt động cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị văn hóa và xã hội.

7.3.26. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần được thiết kế thành 2 phần: Lý thuyết và thực hành, cụ thể là:

Lý thuyết: Những cách tiếp cận chính trong nghiên cứu QHQT; Những phương pháp chủ yếu thường sử dụng trong nghiên cứu QHQT; Những nội dung đến kỹ năng xử lý thông tin, viết và thuyết trình một vấn đề quốc tế.

Thực hành: Sinh viên sẽ phải thực hiện hai hoạt động: 1/ viết một bài tiểu luận về một vấn đề quốc tế; 2/ Trình bày theo nhóm 1 chủ đề về QHQT.

7.3.27. Chính sách đối ngoại Việt Nam (2 tín chỉ)

Tái hiện và nghiên cứu chi tiết về quá trình hình thành và triển khai Chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam từ buổi đầu độc lập (1945) đến 30 năm sau (1975), qua đó thấy được những nhân tố chủ quan/khách quan tác động tới việc hình thành chính sách, cũng như kết quả thực hiện chính sách, từ đó ghi nhận thành tựu to lớn của cha ông cũng như đúc kết những bài học kinh nghiệm cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại về sau.

7.3.28. Kinh tế đối ngoại Việt Nam (2 tín chỉ)

Hoạt động về kinh tế là nội dung chính hiện nay trong quan hệ đối ngoại và ngoại giao. Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức tối thiểu cần thiết về kinh tế đối ngoại Việt Nam, tạo đà cho sinh viên tiếp tục học sâu sau khi ra trường để tìm việc làm và làm việc có hiệu quả.

7.3.29. Công pháp quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học bao gồm 42 chủ đề cơ bản được lựa chọn từ công pháp quốc tế, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công pháp quốc tế, trong đó bao gồm cả các khái niệm về

luật biển, đường cơ sở, các quy chế pháp lý các vùng biển theo quy định của Công ước Luật biển 1982. Kiến thức của học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục theo học các học phần nâng cao và chuyên sâu về công pháp quốc tế.

7.3.30. Nhập môn Khu vực học (2 tín chỉ)

Nội dung của môn học bao gồm: SV nắm được những kiến thức khái quát và hệ thống về khái niệm Khu vực học và Đông Á học. Nhận thức rõ những đặc điểm và quan hệ của khu vực Đông Bắc Á trong tương quan với các khu vực khác và trong quá trình lịch sử, đặc biệt trong quan hệ với Việt Nam. Cùng với trang bị kiến thức, SV còn được trang bị những phương pháp nghiên cứu cơ bản nghiên cứu khu vực học. Trên cơ sở những hiểu biết về Khu vực Đông Bắc Á, SV có biết cách vận dụng trong việc học tập, nghiên cứu khoa học cũng như xử lý những vấn đề trong thực tiễn.

7.3.31. Lịch sử văn minh thế giới (3 tín chỉ)

Học phần tìm hiểu những vấn đề cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người. Tìm hiểu các nền văn minh về: Điều kiện hình thành; sơ lược lịch sử ra đời; trình độ phát triển kinh tế, trình độ tổ chức và quản lý xã hội, nhà nước; các loại hình nghệ thuật; những học thuyết chính trị; quan điểm triết học và các tôn giáo lớn... Trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử thế giới và việc tiếp cận các nguồn thông tin khác nhau, sinh viên sẽ ứng dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần này vào các học phần khác.

7.3.32. Quan hệ kinh tế quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu tiến trình hình thành và phát triển các mối quan hệ phát sinh khi di chuyển kinh tế quốc tế các yếu tố và phương tiện của quá trình tái sản xuất xã hội trong thế giới đương đại: (i) Các quan hệ về di chuyển quốc tế hàng hóa và dịch vụ (quan hệ thương mại quốc tế); (ii) Các quan hệ về di chuyển nguồn gốc vốn quốc tế (quan hệ đầu tư quốc tế); (iii) Các quan hệ trong hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và môi trường; (iv) Các quan hệ về di chuyển quốc tế sức lao động (quan hệ lao động quốc tế); (v) Các quan hệ về di chuyển quốc tế các phương tiện tiền tệ (tài chính – tiền tệ quốc tế); sự hình thành và phát triển của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế như là tổng thể các quan hệ kinh tế quốc tế.

7.3.33. Lịch sử quan hệ quốc tế (2 tín chỉ)

Học phần được thiết kế thành 2 phần:

Phần I: Gồm: Tổng quan tình hình thế giới trong thời Cận đại (1500-1900); Những hệ lụy của Cách mạng Tư sản và Cách mạng công nghiệp; Hình thành chủ nghĩa đế quốc; Chiến tranh thế giới 1 (1900-1918); QHQT trong giai đoạn giữa hai cuộc Thế chiến (1919-1939); Chiến tranh thế giới 2.

Phần II: Gồm: Tổng quan tình hình QHQT trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh (1945-1991); Quá trình phát triển của các tập hợp lực lượng chính trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh; Chiến tranh Lạnh; Tổng quan tình hình thế giới sau Chiến tranh Lạnh (từ sau 1991. đến nay); Quan hệ quốc tế ở châu Á-TBD sau Chiến tranh Lạnh; Quan hệ quốc tế ở châu Âu sau Chiến tranh Lạnh.

Trong mỗi phần SV sẽ phải thực hiện hai hoạt động: Viết một bài tiểu luận về một vấn đề quốc tế; Trình bày theo nhóm 1 chủ đề về QHQT.

- **Đối với chuyên ngành Hàn học:**

7.3.34. Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên hiểu thêm về văn hóa trong các doanh nghiệp của Hàn Quốc bao gồm các nội dung liên quan đến văn hóa nghiệp vụ ở môi trường làm việc với người Hàn. Môn học giúp sinh viên thêm tự tin trong việc thực hiện các hoạt động ở môi trường công ty Hàn Quốc, thêm sự tự tin khi tham gia giao lưu với người Hàn Quốc ở môi trường công sở, tránh những hiện tượng “sốc” văn hóa.

7.3.35. Lịch sử Hàn Quốc (3 tín chỉ)

Học phần gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Hàn Quốc từ sau chiến tranh thế giới thứ 2, nhưng gia đoạn thăng trầm trong lịch sử hiện đại của nước Hàn Quốc. Đồng thời phân tích tác động qua lại của các yếu tố lịch sử đối với sự phát triển nhanh đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao của Hàn Quốc.

3.7.36. Văn hóa Hàn Quốc (3 tín chỉ)

Học phần gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về văn hóa, ẩm thực, tôn giáo, trang phục và nghệ thuật của Hàn Quốc. Đồng thời phân tích tác động qua lại của các yếu tố kể trên đến hình thành tính cách và văn hóa ứng xử của người Hàn.

3.7.37. Kinh tế Hàn Quốc (2 tín chỉ)

Học phần gồm những nội dung cơ bản tác động đến sự phát triển kinh tế nhanh của Hàn Quốc bao gồm cả yếu tố nội tại và các yếu tố bên ngoài. Vấn đề phát triển hướng vào xuất khẩu là động lực cho sự tăng trưởng và phát triển của Hàn Quốc.

3.7.38. Chính sách đối ngoại Hàn Quốc (3 tín chỉ)

Học phần chính sách đối ngoại Hàn Quốc chủ yếu tập trung vào thời kỳ từ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 đến nay, đặc biệt là các cặp quan hệ giữa Hàn Quốc với các đối tác lớn trên thế giới và khu vực. Các cặp quan hệ này chịu sự tác động của những yếu tố bên trong cũng như bên ngoài.

3.7.39. Chính sách thương mại của Hàn Quốc (3 tín chỉ)

Học phần được thiết kế thành 2 phần:

Phần I: Những vấn đề chung trong chính sách thương mại của Hàn Quốc. Phần này phân tích nội dung cơ bản trong quan hệ kinh tế với nước khác.

Phần II: Là những biện pháp cụ thể Hàn Quốc đang áp dụng trong thương mại với các nước khác trong đó có Việt Nam. Trong phần này nội dung tập trung phân tích tác động của các công cụ đang được Hàn Quốc áp dụng trong các hoạt động nhập khẩu hàng hóa.

Trong mỗi phần sinh viên sẽ thuyết trình theo nhóm về vấn đề quan hệ thương mại đầu tư giữa Hàn Quốc với Việt Nam.

3.7.40. Quan hệ kinh tế Hàn - Việt (3 tín chỉ)

Quan hệ kinh tế Việt Nam – Hàn Quốc đề cập đến một lĩnh vực rộng trong quan hệ song phương giữa hai nước, đó là quan hệ kinh tế. Mỗi quan hệ này bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau, từ thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư trực tiếp vốn nước ngoài, vốn viện trợ phát triển chính thức ODA của chính phủ Hàn Quốc đến hợp tác khoa học kỹ thuật và vấn đề du lịch...

3.7.41. Tiếng Hàn du lịch (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chính sách và lập kế hoạch du lịch, du lịch sinh thái, quản lý du lịch sinh thái, khách hàng và tiếp thị du lịch, chiến lược giá trong quản lý khách sạn, phân phối, quảng cáo và khuyến mại du lịch và khách sạn, quan hệ công chúng, quảng cáo trong du lịch-khách sạn, và lễ hành du lịch, quản lý khách sạn. Đây là các vấn đề vừa mang tính chuyên môn du lịch vừa mang tính chuyên ngôn ngữ, giúp người học nâng cao đồng thời hiểu biết về du lịch- khách sạn và nâng cao khả năng ngôn ngữ của họ.

3.7.42. Lý thuyết dịch tiếng Hàn (2 tín chỉ)

Môn học Lý thuyết dịch cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống và mang tính chuyên môn cao về lý luận dịch viết và dịch nói. Người học cũng được trau dồi những kỹ năng, thủ pháp dịch nói và viết, cách ghi dịch, cách tránh lỗi dịch về ngôn ngữ và văn hóa... Kiến thức được trang bị sẽ là bước khởi đầu cần thiết, giúp người học tự tin và có khả năng ứng xử linh hoạt trong mọi tình huống nhằm dịch chính xác và hợp chuẩn ngôn ngữ và văn hóa, biết tự rèn luyện để trở thành người dịch chuyên nghiệp.

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, thiết thực về lý thuyết dịch nói và dịch viết. Sinh viên nắm vững những yêu cầu về chuẩn bị chủ đề, chuẩn bị thuật ngữ...trước khi dịch, hiểu rõ 3 giai đoạn của quá trình dịch, rút kinh nghiệm/ hiệu đính sau khi dịch và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn. Nắm vững các thủ pháp dịch và ứng dụng thành thạo, linh hoạt vào thực tế dịch, nhận biết các kiểu lỗi dịch, nguyên nhân và cách khắc phục, phòng tránh...

3.7.43. Thực hành dịch nói tiếng Hàn (3 tín chỉ)

Môn học nhằm đem đến cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản về phiên dịch. Thông qua môn thực hành nói tiếng Hàn, sinh viên sẽ có khả năng phiên dịch những câu, những đoạn hội thoại đơn giản bằng tiếng Hàn một cách trôi chảy, thành thạo qua các hội thoại liên quan đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Ví dụ chủ điểm đi chợ, đi bệnh viện, ở nhà hàng, ở bưu điện...

3.7.44. Thực hành dịch viết tiếng Hàn (3 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng khi tiến hành công tác biên dịch văn bản, cách phân tích văn bản gốc trước khi biên dịch. Hướng dẫn sinh viên thực hành dịch Hàn – Việt, Việt – Hàn các cấu trúc cơ bản, cấu trúc được cho là khó dịch. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản đã cung cấp, giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến hành thực hành dịch các đoạn văn bản ngắn do giảng viên cung cấp thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa thể thao, du lịch, đầu tư thương mại, tiền tệ ngân hàng, hội nhập kinh tế, môi trường đầu tư, doanh nghiệp có tính cập nhật cao.

3.7.45. Thư tín thương mại tiếng Hàn (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu các hệ thống quy chuẩn quốc gia về thể thức trình bày và soạn thảo các loại văn bản thông dụng trong công việc đối ngoại của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bằng tiếng Hàn. Trong quá trình học, sinh viên tìm hiểu và vận dụng các hệ thống này để soạn thảo các loại văn bản phục vụ cho nhiều mục đích giao tiếp trong môi trường làm việc. Sinh viên cũng học và thực hành các kỹ năng viết các loại văn bản khác nhau. Ngoài ra, sinh viên cũng rèn luyện thể hiện những thái độ giao tiếp khác nhau thông qua văn bản để phù hợp với các tình huống giao tiếp trong công việc.

- **Đối với chuyên ngành Anh học:**

- **Văn hóa doanh nghiệp Anh Quốc (2 tín chỉ)**

Học phần giúp sinh viên hiểu thêm về văn hóa trong các doanh nghiệp của Anh Quốc bao gồm các nội dung liên quan đến văn hóa nghiệp vụ ở môi trường làm việc với người Anh. Môn học giúp sinh viên thêm tự tin trong việc thực hiện các hoạt động ở môi trường công ty Anh Quốc, thêm sự tự tin khi tham gia giao lưu với người Hàn Quốc ở môi trường công sở, tránh những hiện tượng “sốc” văn hóa.

- **Lịch sử Anh Quốc (3 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về lịch sử hình thành nước Anh phân thành các giai đoạn cụ thể. Từ thời kỳ đồ đá đến năm 1500 trước công nguyên, trong giai đoạn này người British cũng đã để lại nhưng công trình bằng đá đáng kinh ngạc cho hậu thế, đến khi vương quốc Anh được thành lập. Trong lịch sử hình thành và phát triển người Anh đã trải qua những thời kỳ chịu sự cai trị của người La Mã, sự tấn công của người Viking hay người Norman, đến những giai đoạn nước Anh bị chia rẽ bởi các cuộc nội chiến, và trở thành một đế chế có lãnh thổ trải khắp thế giới. Đồng thời cũng đi sâu phân tích giai đoạn lịch sử hình thành nước Anh cận đại và sự tác động của hai cuộc đại chiến thế giới đến cuộc sống của người Anh.

- **Văn Hóa Anh Quốc (3 tín chỉ)**

Học phần đi sâu vào nghiên cứu văn hóa, tín ngưỡng, đời sống nghệ thuật và giải trí của người Anh. Trong đó, điểm đặc biệt ở văn hóa Anh Quốc đó là sự pha trộn đa dạng giữa nền văn hóa quốc tế, tư duy đương đại được gắn kết với nhau trên tinh thần bản sắc và truyền thống mạnh mẽ. Về tôn giáo, Vương quốc Anh bao gồm mọi tín ngưỡng và tất cả các tôn giáo chính trên thế giới đều được tiếp nhận. Về nghệ thuật nước Anh có truyền thống lâu đời, đầy sức sáng tạo, để lại nhiều thành tựu có sức ảnh hưởng lớn trên thế giới. Về ẩm thực, ngoài ẩm thực truyền thống người Anh cũng rất ưa chuộng các món ăn từ các quốc gia Châu Âu khác như ẩm thực Ý, Pháp, Tây Ba Nha...

- **Kinh tế Anh quốc (2 tín chỉ)**

Với vị trí tự nhiên ưu việt Vương quốc Anh trở thành một điểm trung chuyên tự nhiên, đón nhận vô số lượt tàu thuyền từ nhiều nơi trên thế giới, do đó thương mại từ lâu đã là huyết mạch của nền kinh tế Anh Quốc. Bên cạnh đó, Vương Quốc Anh là quốc gia công nghiệp đầu tiên của thế giới, những phát minh như máy hơi nước, máy quay sợi, đầu máy xe lửa và đường

ray đều xuất phát từ Anh. Học phần sẽ cung cấp cái nhìn tổng quan nhất về kinh tế Anh và những tác động của Anh đối với Châu Âu nói chung và nền kinh tế nói riêng trong lịch sử hình thành và phát triển.

➤ **Chính sách đối ngoại Anh Quốc (3 tín chỉ)**

Trong lịch sử nhân loại nói chung và lịch sử Anh nói riêng, Anh là đế quốc có nhiều thuộc địa nhất thế giới, hiện nay Anh vẫn là nước có nhiều ảnh hưởng tới các nước trên Thế giới. Bên cạnh đó, sau sự kiện 11.9, Anh là một trong những đồng minh ít ỏi ở Châu Âu tham gia liên quân do Mỹ đứng đầu trong cuộc chiến Iraq, Anh cũng là thành viên quan trọng của NATO và EU. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản nhất để tìm hiểu sự ảnh hưởng của các chính sách của Anh đối với Châu Âu, đi sâu nghiên cứu sự hợp tác giữa vương quốc Anh và ASEAN và các nước Châu Á. Qua đó sẽ có cái nhìn tổng quan hơn về mối quan hệ giữa các nước lớn trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

➤ **Chính sách Thương mại Anh Quốc (3 tín chỉ)**

Học phần đi sâu vào tìm hiểu và phân tích những chính sách thương mại của Anh, đặc biệt trong bối cảnh Anh đang nỗ lực rời khỏi EU. Đây cũng được xem là cơ hội và thách thức của Anh trong vấn đề lấy lại quyền lực trong thương mại quốc tế. Đồng thời, học phần cũng đi sâu đánh giá những tác động của Brexit đối với tình hình kinh tế khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, ảnh hưởng của Anh rời EU đối với ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng.

➤ **Quan hệ kinh tế Anh - Việt (3 tín chỉ)**

Học phần đi sâu vào nghiên cứu quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Vương Quốc Anh kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1973. Sau 46 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế song phương phát triển vững chắc và mở rộng ra nhiều lĩnh vực. Hiện nay trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động, kim ngạch thương mại vẫn tăng lên nhanh chóng nhất là những năm gần đây, dư địa cho việc mở rộng vẫn còn rất lớn. Bên cạnh đó, nền kinh tế hai nước mang tính chất bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Học phần sẽ đem lại cái nhìn toàn cảnh về sự phát triển thương mại song phương, và đi sâu phân tích đánh giá triển vọng phát triển quan hệ thương mại giữa Anh và Việt Nam trong tương lai.

➤ **Tiếng Anh du lịch (3 tín chỉ)**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chính sách và lập kế hoạch du lịch, du lịch sinh thái, quản lý du lịch sinh thái, khách hàng và tiếp thị du lịch, chiến lược giá trong quản lý khách sạn, phân phối, quảng cáo và khuyến mại du lịch và khách sạn, quan hệ công chúng, quảng cáo trong du lịch-khách sạn, và lễ hành du lịch, quản lý khách sạn. Đây là các vấn đề vừa mang tính chuyên môn du lịch vừa mang tính chuyên ngôn ngữ, giúp người học nâng cao đồng thời hiểu biết về du lịch- khách sạn và nâng cao khả năng ngôn ngữ của họ.

➤ **Lý thuyết dịch tiếng Anh (2 tín chỉ)**

Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản về dịch nói và dịch viết. Qua đó người học hiểu được những yêu cầu, kỹ năng mà một biên, phiên dịch cần phải có cũng như cách thức phát hiện và xử lý các vấn đề trong dịch thuật một cách có hệ thống. Phương pháp

giảng dạy Kết hợp giữa lên lớp, tự học, thảo luận với giáo viên và làm việc theo nhóm, làm bài tập lớn.

➤ **Thực hành dịch nói tiếng Anh (3 tín chỉ)**

Môn học nhằm đem đến cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản về phiên dịch. Thông qua môn thực hành nói tiếng Anh, sinh viên sẽ có khả năng phiên dịch những câu, những đoạn hội thoại đơn giản bằng tiếng Hàn một cách trôi chảy, thành thạo qua các hội thoại liên quan đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Ví dụ chủ điểm đi chợ, đi bệnh viện, ở nhà hàng, ở bưu điện...

➤ **Thực hành dịch viết tiếng Anh (3 tín chỉ)**

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng khi tiến hành công tác biên dịch văn bản, cách phân tích văn bản gốc trước khi biên dịch. Hướng dẫn sinh viên thực hành dịch Anh – Việt, Việt – Anh các cấu trúc cơ bản, cấu trúc được cho là khó dịch. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản đã cung cấp, giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến hành thực hành dịch các đoạn văn bản ngắn do giảng viên cung cấp thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa thể thao, du lịch, đầu tư thương mại, tiền tệ ngân hàng, hội nhập kinh tế, môi trường đầu tư, doanh nghiệp có tính cập nhật cao, chứa đựng nội dung phong phú trên mọi lĩnh vực phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng.

➤ **Thư tín thương mại tiếng Anh (2 tín chỉ)**

Học phần giới thiệu các hệ thống quy chuẩn quốc gia về thể thức trình bày và soạn thảo các loại văn bản thông dụng trong công việc đối ngoại của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bằng tiếng Anh. Trong quá trình học, sinh viên tìm hiểu và vận dụng các hệ thống này để soạn thảo các loại văn bản phục vụ cho nhiều mục đích giao tiếp trong môi trường làm việc. Sinh viên cũng học và thực hành các kỹ năng viết các loại văn bản khác nhau. Ngoài ra, sinh viên cũng rèn luyện thể hiện những thái độ giao tiếp khác nhau thông qua văn bản để phù hợp với các tình huống giao tiếp trong công việc.

3.7.46. Kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu một trong những nhiệm vụ quan trọng của cán bộ Quan hệ công chúng đó là tổ chức các sự kiện, nhằm đạt tới những mục tiêu truyền thông của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Học phần cung cấp lý thuyết và những trường hợp từ thực tiễn liên quan đến kỹ năng tổ chức như lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá sự kiện, quản lý ngân sách, nhân sự, thời gian, quảng bá, xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức họp báo, sự kiện thể thao, lễ hội, hội thảo ở các cấp độ khác nhau.

3.7.47. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại (2 tín chỉ)

Học phần trình bày tri thức cơ bản về giao tiếp, gồm kiến thức về cơ sở lý thuyết của giao tiếp, phương tiện và phong cách giao tiếp, các hình thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản; kiến thức về nghệ thuật đàm phán. Học phần nhấn mạnh đặc trưng văn hoá có khả năng ảnh hưởng đến phong cách giao tiếp của người Việt Nam và người nước ngoài, và nghiên cứu những tình huống cụ thể, ví dụ tiêu biểu của việc ứng dụng văn hoá giao tiếp trong quá trình Quan hệ quốc tế.

3.7.48. Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ)

Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của quốc tế học. Học phần có vai trò trọng yếu trong việc tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên tiếp cận với hoạt động thực tiễn hoạt động đối ngoại. Sinh viên có dịp thể hiện mình như một cán bộ hoạt động trên lĩnh vực này. Sinh viên có dịp ứng dụng một cách toàn diện những hiểu biết của mình trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong biên tập và trong các mối quan hệ ứng xử nghề nghiệp khác. Học phần có quan hệ với tất cả các học phần đã học về chính trị, xã hội và chuyên nghiệp.

3.7.49. Khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ)

Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp của ngành quốc tế học; Nó có giá trị như môn thi tốt nghiệp. Học phần có vai trò quyết định trong việc hoàn tất chương trình đào tạo ngành quốc tế học. Trong giai đoạn thực hiện học phần này, dưới sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành, sinh viên có trách nhiệm vận dụng những kiến thức và kỹ năng của các học phần trong chương trình để tiến hành hoạt động nghiên cứu với một đề tài xác định để hoàn thành luận văn tốt nghiệp.